

# **BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

**CÔNG TY CỔ PHẦN QUE HÀN ĐIỆN VIỆT ĐỨC**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2014

(đã được kiểm toán)

## **NỘI DUNG**

	<b>Trang</b>
Báo cáo của Ban Giám đốc	02-03
Báo cáo kiểm toán độc lập	04-05
Báo cáo tài chính đã được kiểm toán	06-27
Bảng cân đối kế toán	06-07
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh	08
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ	09
Thuyết minh báo cáo tài chính	10-27

## **CÔNG TY CỔ PHẦN QUE HÀN ĐIỆN VIỆT ĐỨC**

Xã Nhị Khê, Huyện Thường Tín, Thành phố Hà Nội

---

### **BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC**

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Que hàn điện Việt Đức (sau đây gọi tắt là “Công ty”) trình bày Báo cáo của mình và Báo cáo tài chính của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014.

#### **CÔNG TY**

Công ty Cổ phần Que hàn điện Việt Đức tiền thân là Nhà máy Que hàn điện Việt Đức, được thành lập theo Quyết định số 316/QĐTCNSD ngày 26 tháng 05 năm 1993 của Bộ Công nghiệp nặng và được chuyển đổi thành công ty cổ phần theo Quyết định số 166/2003/QĐ-BCN ngày 14 tháng 10 năm 2003 của Bộ Công nghiệp (nay là Bộ Công thương).

Trụ sở của Công ty tại: Xã Nhị Khê, Huyện Thường Tín, Thành phố Hà Nội.

#### **HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN GIÁM ĐỐC VÀ BAN KIỂM SOÁT**

Các thành viên của Hội đồng Quản trị trong năm và tại ngày lập báo cáo này bao gồm:

Ông Ngô Bá Việt	Chủ tịch
Ông Phạm Văn Tư	Ủy viên
Ông Bùi Hồng Sơn	Ủy viên
Ông Nguyễn Thanh Khán	Ủy viên
Ông Nguyễn Quốc Thành	Ủy viên

Các thành viên của Ban Giám đốc đã điều hành Công ty trong năm và tại ngày lập báo cáo này bao gồm:

Ông Ngô Bá Việt	Giám đốc
Ông Bùi Hồng Sơn	Phó Giám đốc
Ông Nguyễn Thanh Khán	Phó Giám đốc

Các thành viên của Ban Kiểm soát bao gồm:

Ông Phạm Văn Chương	Trưởng ban
Bà Thái Thị Hồng Loan	Thành viên
Ông Lê Mạnh Hùng	Thành viên

#### **KIỂM TOÁN VIÊN**

Công ty TNHH Hãng Kiểm toán AASC đã thực hiện kiểm toán các Báo cáo tài chính cho Công ty.

## **CÔNG TY CỔ PHẦN QUE HÀN ĐIỆN VIỆT ĐỨC**

Xã Nhị Khê, Huyện Thường Tín, Thành phố Hà Nội

---

### **CÔNG BỐ TRÁCH NHIỆM CỦA BAN GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập Báo cáo tài chính phản ánh trung thực, hợp lý tình hình hoạt động, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm. Trong quá trình lập Báo cáo tài chính, Ban Giám đốc Công ty cam kết đã tuân thủ các yêu cầu sau:

- Xây dựng và duy trì kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc và Ban quản trị Công ty xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính không còn sai sót trọng yếu do gian lận hoặc do nhầm lẫn;
- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Đưa ra các đánh giá và dự đoán hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán được áp dụng có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu đến mức cần phải công bố và giải thích trong Báo cáo tài chính hay không;
- Lập và trình bày các Báo cáo tài chính trên cơ sở tuân thủ các Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định hiện hành có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính;
- Lập các Báo cáo tài chính dựa trên cơ sở hoạt động kinh doanh liên tục, trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.

Ban Giám đốc Công ty đảm bảo rằng các sổ kế toán được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính của Công ty, với mức độ trung thực, hợp lý tại bất cứ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính tuân thủ các quy định hiện hành của Nhà nước. Đồng thời có trách nhiệm trong việc bảo đảm an toàn tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn, phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Ban Giám đốc Công ty cam kết rằng Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2014, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014, phù hợp với Chuẩn mực, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và tuân thủ các quy định hiện hành có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

#### **Cam kết khác**

Ban Giám đốc cam kết rằng Công ty không vi phạm nghĩa vụ công bố thông tin theo quy định tại Thông tư số 52/2012/TT-BTC ngày 05 tháng 04 năm 2012 của Bộ Tài chính hướng dẫn về việc công bố thông tin trên thị trường chứng khoán.

Thay mặt Ban Giám đốc

---

**Ngô Bá Việt**

Giám đốc

*Hà Nội, ngày 20 tháng 01 năm 2015*

Số: /2015/BC.KTTC-AASC.KT2

## **BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP**

**Kính gửi: Quý Cổ đông, Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc  
Công ty Cổ phần Que hàn điện Việt Đức**

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính kèm theo của Công ty Cổ phần Que hàn điện Việt Đức được lập ngày 20 tháng 01 năm 2015, từ trang 06 đến trang 27, bao gồm: Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2014, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014 và Thuyết minh báo cáo tài chính.

### **Trách nhiệm của Ban Giám đốc**

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính của Công ty theo Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

### **Trách nhiệm của Kiểm toán viên**

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu Báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên Báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong Báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể Báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

### **Cơ sở của ý kiến kiểm toán ngoại trừ**

Công ty đã hạch toán giá trị tiền thuê đất phải nộp năm 2011 vào chi phí năm 2014 với số tiền là 1.031.539.000 đồng dẫn đến chỉ tiêu "Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế" trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh của năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2014 giảm xuống với giá trị tương ứng (xem thêm Thuyết minh số 12-"Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước")

## **Ý kiến của Kiểm toán viên**

Theo ý kiến của chúng tôi, ngoại trừ ảnh hưởng của vấn đề nêu tại đoạn "Cơ sở ý kiến kiểm toán ngoại trừ", Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Que hàn điện Việt Đức tại ngày 31 tháng 12 năm 2014, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014, phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

## **Công ty TNHH Hãng Kiểm toán AASC**

---

**Nguyễn Thanh Tùng**

Phó Tổng Giám đốc

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán

Số: 0063-2013-002-1

---

**Bùi Thanh Cường**

Kiểm toán viên

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán

Số: 2066-2013-002-1

*Hà Nội, ngày 30 tháng 03 năm 2015*

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2014

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	31/12/2014	01/01/2014
			VND	VND
<b>100</b>	<b>A. TÀI SẢN NGẮN HẠN</b>		<b>71.597.451.199</b>	<b>58.998.963.284</b>
<b>110</b>	<b>I. Tiền và các khoản tương đương tiền</b>	<b>3</b>	<b>10.905.416.031</b>	<b>3.904.317.615</b>
111	1. Tiền		10.905.416.031	3.904.317.615
<b>130</b>	<b>III. Các khoản phải thu ngắn hạn</b>		<b>27.344.844.370</b>	<b>24.019.326.444</b>
131	1. Phải thu của khách hàng		36.319.781.516	30.542.926.684
132	2. Trả trước cho người bán		99.273.571	244.294.501
135	5. Các khoản phải thu khác	4	88.551.910	32.539.238
139	6. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi		(9.162.762.627)	(6.800.433.979)
<b>140</b>	<b>IV. Hàng tồn kho</b>	<b>5</b>	<b>32.521.911.013</b>	<b>30.511.438.983</b>
141	1. Hàng tồn kho		32.521.911.013	30.511.438.983
<b>150</b>	<b>V. Tài sản ngắn hạn khác</b>		<b>825.279.785</b>	<b>563.880.242</b>
152	2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ		256.871.118	518.892.979
154	3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	6	77.025.585	-
158	5. Tài sản ngắn hạn khác	7	491.383.082	44.987.263
<b>200</b>	<b>B. TÀI SẢN DÀI HẠN</b>		<b>41.413.068.373</b>	<b>45.004.185.015</b>
<b>220</b>	<b>II. Tài sản cố định</b>		<b>37.010.726.564</b>	<b>41.276.865.388</b>
221	1. Tài sản cố định hữu hình	8	37.010.726.564	41.276.865.388
222	- Nguyên giá		93.176.788.609	92.873.248.609
223	- Giá trị hao mòn lũy kế		(56.166.062.045)	(51.596.383.221)
227	3. Tài sản cố định vô hình	9	-	-
228	- Nguyên giá		267.135.000	267.135.000
229	- Giá trị hao mòn lũy kế		(267.135.000)	(267.135.000)
<b>260</b>	<b>V. Tài sản dài hạn khác</b>		<b>4.402.341.809</b>	<b>3.727.319.627</b>
261	1. Chi phí trả trước dài hạn	10	4.402.341.809	3.727.319.627
<b>270</b>	<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN</b>		<b>113.010.519.572</b>	<b>104.003.148.299</b>

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2014

(tiếp theo)

Mã số	NGUỒN VỐN	Thuyết minh	31/12/2014	01/01/2014
			VND	VND
<b>300</b>	<b>A. NỢ PHẢI TRẢ</b>		<b>47.209.468.984</b>	<b>47.787.378.850</b>
<b>310</b>	<b>I. Nợ ngắn hạn</b>		<b>47.209.468.984</b>	<b>47.787.378.850</b>
311	1. Vay và nợ ngắn hạn	11	13.368.852.685	22.597.677.758
312	2. Phải trả người bán		23.186.880.737	18.802.901.393
313	3. Người mua trả tiền trước		905.175.411	158.562.693
314	4. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	12	2.813.487.580	1.300.922.794
315	5. Phải trả người lao động		4.675.934.974	2.645.158.918
316	6. Chi phí phải trả	13	105.150.936	-
319	9. Các khoản phải trả, phải nộp khác	14	2.088.161.153	2.214.598.786
323	11. Quỹ khen thưởng, phúc lợi		65.825.508	67.556.508
<b>400</b>	<b>B. VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>		<b>65.801.050.588</b>	<b>56.215.769.449</b>
<b>410</b>	<b>I. Vốn chủ sở hữu</b>	<b>15</b>	<b>65.801.050.588</b>	<b>56.215.769.449</b>
411	1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu		42.499.010.000	42.499.010.000
412	2. Thặng dư vốn cổ phần		683.890.000	683.890.000
418	8. Quỹ dự phòng tài chính		3.595.000.000	3.145.000.000
420	10. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối		19.023.150.588	9.887.869.449
<b>440</b>	<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN</b>		<b>113.010.519.572</b>	<b>104.003.148.299</b>

**CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**

CHỈ TIÊU	31/12/2014	01/01/2014
4. Nợ khó đòi đã xử lý	58.506.800	58.506.800
5. Ngoại tệ các loại		
- Đồng đô la Mỹ (USD)	48.480,89	1.262,69
- Đồng Euro (EUR)	410,88	765,88

Nguyễn Văn Đồng  
Người lập

Hoàng Xuân Thành  
Kế toán trưởng

Ngô Bá Việt  
Giám đốc

Hà Nội, ngày 20 tháng 01 năm 2015



**BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH**

Năm 2014

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm 2014	Năm 2013
			VND	VND
01	<b>1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ</b>	16	<b>246.647.963.471</b>	<b>213.661.192.590</b>
02	2. Các khoản giảm trừ doanh thu	17	3.895.128.175	5.171.659.861
10	<b>3. Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ</b>	<b>18</b>	<b>242.752.835.296</b>	<b>208.489.532.729</b>
11	4. Giá vốn hàng bán	19	193.151.540.699	171.982.041.289
20	<b>5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ</b>		<b>49.601.294.597</b>	<b>36.507.491.440</b>
21	6. Doanh thu hoạt động tài chính	20	39.589.099	40.941.631
22	7. Chi phí tài chính	21	2.351.523.070	4.089.029.735
23	<i>Trong đó: Chi phí lãi vay</i>		<i>1.889.463.070</i>	<i>3.042.517.810</i>
24	8. Chi phí bán hàng	22	14.290.195.350	12.081.822.427
25	9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	23	10.948.429.210	8.708.319.195
30	<b>10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh</b>		<b>22.050.736.066</b>	<b>11.669.261.714</b>
31	11. Thu nhập khác	24	166.658.597	280.425.814
32	12. Chi phí khác	25	69.455.000	25.163.690
40	<b>13. Lợi nhuận khác</b>		<b>97.203.597</b>	<b>255.262.124</b>
50	<b>14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế</b>		<b>22.147.939.663</b>	<b>11.924.523.838</b>
51	15. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	26	4.887.826.824	2.987.421.801
60	<b>17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp</b>		<b>17.260.112.839</b>	<b>8.937.102.037</b>
70	<b>18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu</b>	27	<b>4.061</b>	<b>2.103</b>

Nguyễn Văn Đồng  
Người lập

Hoàng Xuân Thành  
Kế toán trưởng

Ngô Bá Việt  
Giám đốc

Hà Nội, ngày 20 tháng 01 năm 2015

**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ**  
*Năm 2014*  
*(Theo phương pháp trực tiếp)*

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm 2014	Năm 2013
			VND	VND
<b>I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH</b>				
01	1. Tiền thu từ bán hàng, cung cấp dịch vụ và doanh thu khác		261.062.914.811	230.977.346.951
02	2. Tiền chi trả cho người cung cấp hàng hóa và dịch vụ		(214.972.045.810)	(203.016.339.581)
03	3. Tiền chi trả cho người lao động		(15.829.845.665)	(14.236.381.464)
04	4. Tiền chi trả lãi vay		(1.966.967.134)	(3.165.663.475)
05	5. Tiền chi nộp thuế thu nhập doanh nghiệp		(4.481.215.212)	(2.654.662.231)
06	6. Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh		382.502.200	1.145.359.640
07	7. Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh		(471.747.500)	(287.608.650)
20	<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</b>		<b>23.723.595.690</b>	<b>8.762.051.190</b>
<b>II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ</b>				
21	1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác		(303.540.000)	(713.267.455)
27	7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia		39.589.099	40.941.631
30	<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</b>		<b>(263.950.901)</b>	<b>(672.325.824)</b>
<b>III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH</b>				
33	3. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được		42.252.256.697	53.727.960.426
34	4. Tiền chi trả nợ gốc vay		(51.481.081.770)	(61.119.577.318)
36	6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu		(7.229.721.300)	(3.820.942.900)
40	<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</b>		<b>(16.458.546.373)</b>	<b>(11.212.559.792)</b>
50	<b>Lưu chuyển tiền thuần trong năm</b>		<b>7.001.098.416</b>	<b>(3.122.834.426)</b>
60	<b>Tiền và các khoản tương đương tiền đầu năm</b>		<b>3.904.317.615</b>	<b>7.027.152.041</b>
70	<b>Tiền và các khoản tương đương tiền cuối năm</b>	<b>3</b>	<b>10.905.416.031</b>	<b>3.904.317.615</b>

Nguyễn Văn Đồng  
Người lập

Hoàng Xuân Thành  
Kế toán trưởng

Ngô Bá Việt  
Giám đốc

Hà Nội, ngày 20 tháng 01 năm 2015

## **THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

*Năm 2014*

### **1 . THÔNG TIN CHUNG**

#### **1.1 . Hình thức sở hữu vốn**

Công ty Cổ phần Que hàn điện Việt Đức tiền thân là Nhà máy Que hàn điện Việt Đức, được thành lập theo Quyết định số 316/QĐTCNSD ngày 26 tháng 05 năm 1993 của Bộ Công nghiệp nặng và được chuyển đổi thành công ty cổ phần theo Quyết định số 166/2003/QĐ-BCN ngày 14 tháng 10 năm 2003 của Bộ Công nghiệp (nay là Bộ Công thương).

Trụ sở của Công ty tại: Xã Nhị Khê, Huyện Thường Tín, Thành phố Hà Nội.

Vốn điều lệ của Công ty theo đăng ký là 42.499.010.000 đồng, vốn điều lệ thực góp đến ngày 31 tháng 12 năm 2014 là 42.499.010.000 đồng; tương đương 4.249.901 cổ phần, mệnh giá một cổ phần là 10.000 đồng.

Cổ phiếu của Công ty chính thức đăng ký giao dịch tại Trung tâm Giao dịch Chứng khoán Hà Nội (nay là Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội) từ ngày 22 tháng 04 năm 2010 với mã giao dịch là QHD.

#### **1.2 . Ngành nghề kinh doanh**

Theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0303000133 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Hà Tây (nay là Thành phố Hà Nội) cấp lần đầu ngày 26 tháng 12 năm 2003, thay đổi lần 2 ngày 19 tháng 06 năm 2009. Hoạt động kinh doanh của Công ty gồm:

- Sản xuất và kinh doanh vật liệu hàn (que hàn điện, dây hàn);
- Sản xuất và kinh doanh vật liệu hàn (que hàn điện, dây hàn);
- Kinh doanh các ngành nghề khác phù hợp với quy định của pháp luật.

### **2 . CHẾ ĐỘ VÀ CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG TẠI CÔNG TY**

#### **2.1 . Kỳ kế toán, đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán**

Kỳ kế toán năm của Công ty bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 hàng năm.

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là đồng Việt Nam (VND).

#### **2.2 . Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng**

##### *Chế độ kế toán áp dụng*

Công ty áp dụng Chế độ Kế toán doanh nghiệp ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20/03/2006 đã được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại Thông tư 244/2009/TT-BTC ngày 31/12/2009 của Bộ trưởng Bộ Tài chính.

##### *Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán*

Công ty đã áp dụng các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và các văn bản hướng dẫn Chuẩn mực do Nhà nước đã ban hành. Các báo cáo tài chính được lập và trình bày theo đúng mọi quy định của từng chuẩn mực, thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực và Chế độ kế toán hiện hành đang áp dụng.

*Hình thức kế toán áp dụng*

Công ty áp dụng hình thức kế toán trên máy vi tính.

**2.3 . Công cụ tài chính**

*Ghi nhận ban đầu*

Tài sản tài chính

Tài sản tài chính của Công ty bao gồm tiền và các khoản tương đương tiền, các khoản phải thu khách hàng và phải thu khác, các khoản cho vay, các khoản đầu tư ngắn hạn và dài hạn. Tại thời điểm ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được xác định theo giá mua/chi phí phát hành cộng các chi phí phát sinh khác liên quan trực tiếp đến việc mua, phát hành tài sản tài chính đó.

Nợ phải trả tài chính

Nợ phải trả tài chính của Công ty bao gồm các khoản vay, các khoản phải trả người bán và phải trả khác, chi phí phải trả. Tại thời điểm ghi nhận lần đầu, các khoản nợ phải trả tài chính được xác định theo giá phát hành cộng các chi phí phát sinh liên quan trực tiếp đến việc phát hành nợ phải trả tài chính đó.

*Giá trị sau ghi nhận ban đầu*

Hiện tại chưa có các quy định về đánh giá lại công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu.

**2.4 . Tiền và các khoản tương đương tiền**

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng, các khoản đầu tư ngắn hạn có thời gian đáo hạn không quá 03 tháng, có tính thanh khoản cao, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành các lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền.

**2.5 . Các khoản phải thu**

Các khoản phải thu được trình bày trên Báo cáo tài chính theo giá trị ghi sổ các khoản phải thu khách hàng và phải thu khác sau khi trừ đi các khoản dự phòng được lập cho các khoản nợ phải thu khó đòi.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi được trích lập cho từng khoản phải thu khó đòi căn cứ vào tuổi nợ quá hạn của các khoản nợ hoặc dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra.

**2.6 . Hàng tồn kho**

Hàng tồn kho được tính theo giá gốc. Trường hợp giá trị thuần có thể thực hiện được thấp hơn giá gốc thì hàng tồn kho được tính theo giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Giá trị hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền.

Phương pháp xác định giá trị sản phẩm dở dang: chi phí nguyên vật liệu chính cho từng loại sản phẩm chưa hoàn thành.

Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

**2.7 . Tài sản cố định và khấu hao tài sản cố định**

Tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo giá gốc. Trong quá trình sử dụng, tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại.

Khấu hao được trích theo phương pháp đường thẳng. Thời gian khấu hao được ước tính như sau:

- Nhà cửa, vật kiến trúc	05 - 30 năm
- Máy móc, thiết bị	05 - 10 năm
- Phương tiện vận tải, truyền dẫn	06 - 10 năm
- Thiết bị, dụng cụ quản lý	03 - 05 năm

**2.8 . Chi phí đi vay**

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm khi phát sinh, trừ chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang được tính vào giá trị của tài sản đó (được vốn hoá) khi có đủ các điều kiện quy định trong Chuẩn mực Kế toán Việt Nam số 16 “Chi phí đi vay”.

**2.9 . Chi phí trả trước**

Các chi phí trả trước chi liên quan đến chi phí sản xuất kinh doanh của một năm tài chính hoặc một chu kỳ kinh doanh được ghi nhận là chi phí trả trước ngắn hạn và được tính vào chi phí sản xuất kinh doanh trong năm tài chính.

Các chi phí đã phát sinh trong năm tài chính nhưng liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều niên độ kế toán được hạch toán vào chi phí trả trước dài hạn để phân bổ dần vào kết quả hoạt động kinh doanh trong các niên độ kế toán sau.

Việc tính và phân bổ chi phí trả trước dài hạn vào chi phí sản xuất kinh doanh từng kỳ hạch toán được căn cứ vào tính chất, mức độ từng loại chi phí để chọn phương pháp và tiêu thức phân bổ hợp lý. Chi phí trả trước được phân bổ dần vào chi phí sản xuất kinh doanh theo phương pháp đường thẳng.

**2.10 . Chi phí phải trả**

Các khoản chi phí thực tế chưa phát sinh nhưng được trích trước vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm để đảm bảo khi chi phí phát sinh thực tế không gây đột biến cho chi phí sản xuất kinh doanh trên cơ sở đảm bảo nguyên tắc phù hợp giữa doanh thu và chi phí. Khi các chi phí đó phát sinh, nếu có chênh lệch với số đã trích, kế toán tiến hành ghi bổ sung hoặc ghi giảm chi phí tương ứng với phần chênh lệch.

**2.11 . Vốn chủ sở hữu**

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Thặng dư vốn cổ phần được ghi nhận theo số chênh lệch lớn hơn/hoặc nhỏ hơn giữa giá thực tế phát hành và mệnh giá cổ phiếu khi phát hành cổ phiếu lần đầu, phát hành bổ sung hoặc tái phát hành cổ phiếu quỹ. Chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành bổ sung cổ phiếu hoặc tái phát hành cổ phiếu quỹ được ghi giảm Thặng dư vốn cổ phần.

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối là số lợi nhuận từ các hoạt động của doanh nghiệp sau khi trừ (-) các khoản điều chỉnh do áp dụng hồi tố thay đổi chính sách kế toán và điều chỉnh hồi tố sai sót trọng yếu của các năm trước. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể được chia cho các nhà đầu tư dựa trên tỷ lệ góp vốn sau khi được Đại hội đồng cổ đông thông qua và sau khi đã trích lập các quỹ dự phòng theo Điều lệ Công ty và các quy định của pháp luật Việt Nam.

Cổ tức phải trả cho các cổ đông được ghi nhận là khoản phải trả trong Bảng Cân đối kế toán của Công ty sau khi có thông báo chia cổ tức của Hội đồng Quản trị Công ty và thông báo ngày chốt quyền nhận cổ tức của Trung tâm Lưu ký chứng khoán Việt Nam.

## **2.12 . Các nghiệp vụ bằng ngoại tệ**

Các nghiệp vụ phát sinh bằng các đơn vị tiền tệ khác với đơn vị tiền tệ kế toán của Công ty (VND) được hạch toán theo tỷ giá giao dịch vào ngày phát sinh nghiệp vụ. Tại ngày kết thúc kỳ kế toán, các khoản mục tiền tệ (tiền mặt, tiền gửi, tiền đang chuyển, nợ phải thu, nợ phải trả không bao gồm các khoản Người mua ứng trước và Ứng trước cho người bán, Doanh thu nhận trước) có gốc ngoại tệ được đánh giá lại theo tỷ giá mua vào của ngân hàng thương mại nơi Công ty mở tài khoản công bố tại thời điểm lập Báo cáo tài chính. Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá thực tế phát sinh trong năm và chênh lệch do đánh giá lại số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối năm được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh của kỳ kế toán năm.

## **2.13 . Ghi nhận doanh thu**

### *Doanh thu bán hàng*

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa đã được chuyển giao cho người mua;
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Công ty đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng;
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

### *Doanh thu hoạt động tài chính*

Doanh thu phát sinh từ tiền lãi, tiền bản quyền, cổ tức, lợi nhuận được chia và các khoản doanh thu hoạt động tài chính khác được ghi nhận khi thỏa mãn đồng thời hai (2) điều kiện sau:

- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;

Cổ tức, lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Công ty được quyền nhận cổ tức hoặc được quyền nhận lợi nhuận từ việc góp vốn.

## **2.14 . Ghi nhận chi phí tài chính**

Các khoản chi phí được ghi nhận vào chi phí tài chính gồm:

- Chi phí hoặc các khoản lỗ liên quan đến các hoạt động đầu tư tài chính;
- Chi phí đi vay vốn;
- Các khoản lỗ do thay đổi tỷ giá hối đoái của các nghiệp vụ phát sinh liên quan đến ngoại tệ;
- Dự phòng giảm giá đầu tư chứng khoán.

Các khoản trên được ghi nhận theo tổng số phát sinh trong năm, không bù trừ với doanh thu hoạt động tài chính.

## **2.15 . Các khoản thuế**

### *Thuế hiện hành*

Tài sản thuế và các khoản thuế phải nộp cho năm hiện hành và các năm trước được xác định bằng số tiền dự kiến phải nộp cho (hoặc được thu hồi từ) cơ quan thuế, dựa trên các mức thuế suất và các luật thuế có hiệu lực đến ngày kết thúc kỳ tính thuế năm.

## **2.16 . Các bên liên quan**

Các doanh nghiệp trực tiếp hay gián tiếp qua một hoặc nhiều trung gian, có quyền kiểm soát Công ty hoặc chịu sự kiểm soát của Công ty, hoặc cùng chung sự kiểm soát với Công ty, bao gồm cả công ty mẹ, công ty con và công ty liên kết là các bên liên quan. Các bên liên kết, các cá nhân trực tiếp hoặc gián tiếp nắm quyền biểu quyết của Công ty mà có ảnh hưởng đáng kể đối với Công ty, những nhân sự quản lý chủ chốt của Công ty, những thành viên mật thiết trong gia đình của các cá nhân này hoặc các bên liên kết này hoặc những công ty liên kết với các cá nhân này cũng được coi là bên liên quan.

Trong việc xem xét từng mối quan hệ của các bên liên quan, cần chú ý tới bản chất của mối quan hệ chứ không chỉ hình thức pháp lý của các quan hệ đó.

**CÔNG TY CỔ PHẦN QUE HÀN ĐIỆN VIỆT ĐỨC**

Xã Nhị Khê, Huyện Thường Tín, Thành phố Hà Nội

**Báo cáo tài chính**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2014

**3 . TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN**

	31/12/2014	01/01/2014
	VND	VND
Tiền mặt	1.529.079.515	1.416.372.095
Tiền gửi ngân hàng	9.376.336.516	2.487.945.520
	<b><u>10.905.416.031</u></b>	<b><u>3.904.317.615</u></b>

**4 . CÁC KHOẢN PHẢI THU NGẮN HẠN KHÁC**

	31/12/2014	01/01/2014
	VND	VND
Phải thu về bảo hiểm xã hội	59.235.722	8.533.970
Phải thu khác	29.316.188	24.005.268
	<b><u>88.551.910</u></b>	<b><u>32.539.238</u></b>

**5 . HÀNG TỒN KHO**

	31/12/2014	01/01/2014
	VND	VND
Nguyên liệu, vật liệu	22.781.661.480	18.909.440.329
Công cụ, dụng cụ	371.693.711	343.473.372
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	1.281.900.000	1.974.330.000
Thành phẩm	7.840.104.369	8.550.688.284
Hàng hoá	246.551.453	733.506.998
	<b><u>32.521.911.013</u></b>	<b><u>30.511.438.983</u></b>

**6 . THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI THU NHÀ NƯỚC**

	31/12/2014	01/01/2014
	VND	VND
Thuế Thu nhập cá nhân	77.025.585	-
	<b><u>77.025.585</u></b>	<b><u>-</u></b>

**7 . TÀI SẢN NGẮN HẠN KHÁC**

	31/12/2014	01/01/2014
	VND	VND
Tạm ứng	128.963.882	44.987.263
Các khoản thế chấp, ký quỹ, ký cược	362.419.200	-
	<b><u>491.383.082</u></b>	<b><u>44.987.263</u></b>



**CÔNG TY CỔ PHẦN QUE HÀN ĐIỆN VIỆT ĐỨC**

Xã Nhị Khê, Huyện Thường Tín, Thành phố Hà Nội

**Báo cáo tài chính**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2014

**8 . TÀI SẢN CÓ ĐỊNH HỮU HÌNH**

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc, thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	<b>Cộng</b>
	VND	VND	VND	VND	VND
<b>Nguyên giá</b>					
Tại ngày 01/01/2014	31.924.378.583	55.174.426.753	5.652.401.455	122.041.818	92.873.248.609
Mua sắm	-	303.540.000	-	-	303.540.000
<b>Tại ngày 31/12/2014</b>	<b>31.924.378.583</b>	<b>55.477.966.753</b>	<b>5.652.401.455</b>	<b>122.041.818</b>	<b>93.176.788.609</b>
<b>Giá trị hao mòn lũy kế</b>					
Tại ngày 01/01/2014	12.576.499.665	35.606.196.382	3.291.645.356	122.041.818	51.596.383.221
Trích khấu hao	1.325.172.106	2.527.487.127	717.019.591	-	4.569.678.824
<b>Tại ngày 31/12/2014</b>	<b>13.901.671.771</b>	<b>38.133.683.509</b>	<b>4.008.664.947</b>	<b>122.041.818</b>	<b>56.166.062.045</b>
<b>Giá trị còn lại</b>					
Tại ngày 01/01/2014	19.347.878.918	19.568.230.371	2.360.756.099	-	41.276.865.388
<b>Tại ngày 31/12/2014</b>	<b>18.022.706.812</b>	<b>17.344.283.244</b>	<b>1.643.736.508</b>	<b>-</b>	<b>37.010.726.564</b>

*Trong đó:*

- Nguyên giá tài sản cố định cuối năm đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng: 32.946.662.063 đồng

**9 . TÀI SẢN CỐ ĐỊNH VÔ HÌNH**

	<b>Bảng sáng chế</b>
	<b>VND</b>
<b>Nguyên giá</b>	
Tại ngày 01/01/2014	267.135.000
<b>Tại ngày 31/12/2014</b>	<b>267.135.000</b>
<b>Giá trị hao mòn lũy kế</b>	
Tại ngày 01/01/2014	267.135.000
<b>Tại ngày 31/12/2014</b>	<b>267.135.000</b>
<b>Giá trị còn lại</b>	
Tại ngày 01/01/2014	-
<b>Tại ngày 31/12/2014</b>	<b>-</b>

**10 . CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC DÀI HẠN**

	Năm 2014	Năm 2013
	VND	VND
Tại ngày 01/01	3.727.319.627	3.807.319.627
Tăng trong năm	776.772.182	44.485.693
Kết chuyển vào chi phí sản xuất kinh doanh	<b>(101.750.000)</b>	<b>(124.485.693)</b>
<b>Tại ngày 31/12</b>	<b>4.402.341.809</b>	<b>3.727.319.627</b>
<b>Chi tiết số dư cuối năm bao gồm:</b>		
	31/12/2014	01/01/2014
	VND	VND
Chi phí đền bù, giải phóng mặt bằng, chi phí san lấp (*)	3.603.569.627	3.683.569.627
Chi phí chuyển giao công nghệ	776.772.182	-
Chi phí trả trước dài hạn khác	22.000.000	43.750.000
	<b>4.402.341.809</b>	<b>3.727.319.627</b>

(\*) Là các khoản chi phí đền bù, giải phóng mặt bằng, san lấp mặt bằng liên quan đến Dự án Nhà máy sản xuất dây hàn 6.000 tấn/năm tại Tỉnh Hải Dương và được phân bổ theo thời gian thuê đất là 50 năm.

**11 . VAY VÀ NỢ NGẮN HẠN**

	31/12/2014	01/01/2014
	VND	VND
<b>Vay ngắn hạn</b>	<b>13.368.852.685</b>	<b>15.977.773.810</b>
Vay Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - CN Hà Tây (1)	13.288.852.685	13.247.773.810
Vay cá nhân (2)	80.000.000	2.730.000.000
<b>Nợ dài hạn đến hạn trả</b>	<b>-</b>	<b>6.619.903.948</b>
Vay dài hạn đến hạn trả	-	6.619.903.948
	<b>13.368.852.685</b>	<b>22.597.677.758</b>

**Thông tin bổ sung cho các khoản vay ngắn hạn**

- (1) Hợp đồng tín dụng số 01/2014/HĐTDHM/NHCT320-QHD ngày 15/09/2014, với các điều khoản chi tiết sau:
- + Hạn mức tín dụng: 35 tỷ đồng;
  - + Mục đích vay: Thanh toán tiền nguyên nhiên vật liệu, lương công nhân viên, hàng hóa, chi phí điện nước, và các chi phí hợp lý khác phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh que hàn, dây hàn các loại;
  - + Thời hạn cho vay: Căn cứ vào từng giấy nhận nợ nhưng tối đa không quá 04 tháng;
  - + Lãi suất cho vay: Lãi suất được ghi trên từng giấy nhận nợ, tại thời điểm 31/12/2014 là 8%/năm đến 8,5%/năm;
  - + Các hình thức bảo đảm tiền vay: Tín chấp.
- (2) Bao gồm các hợp đồng vay Cán bộ công nhân viên trong Công ty nhằm mục đích bổ sung vốn lưu động với thời gian tối thiểu là 03 tháng và lãi suất tính bình quân bằng lãi suất tiền gửi tiết kiệm và lãi suất tiền vay vốn của Công ty.

**12 . THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC**

	31/12/2014	01/01/2014
	VND	VND
Thuế Giá trị gia tăng	1.107.088.674	-
Thuế Thu nhập doanh nghiệp	1.706.398.906	1.299.787.294
Thuế Thu nhập cá nhân	-	1.135.500
Thuế Nhà đất, Tiền thuê đất (*)	-	-
	<b>2.813.487.580</b>	<b>1.300.922.794</b>

(\*) Theo thông báo nộp tiền thuê đất năm 2012 của Chi cục thuế Huyện Thường Tín, Thành phố Hà Nội, số tiền thuê đất năm 2011, 2012 theo đơn giá mới mà Công ty phải nộp là 2.803.394.000 đồng. Tuy nhiên, trong năm 2012, Công ty mới tạm tính và nộp tiền thuê đất với số tiền là 336.688.000 đồng căn cứ theo hồ sơ mà Công ty đang hoàn thiện theo hướng dẫn của cơ quan quản lý chức năng để được xem xét thay đổi đơn giá áp dụng cho diện tích đất mà Công ty đang sử dụng. Tiếp theo đó, theo thông báo số 1107/CCT ngày 25/04/2014 về việc tạm thu tiền thuê đất kỳ I/2014, Chi cục thuế Huyện Thường Tín yêu cầu Công ty nộp tiền thuê đất còn phải nộp năm 2011 (số tiền là 1.031.539.000 đồng) và số tạm thu năm 2014 (số tiền là 168.344.000 đồng), đồng thời cũng trả lời về việc Công ty sẽ được miễn giảm tiền thuê đất năm 2012 nếu hoàn thiện đầy đủ các thủ tục theo quy định. Cuối cùng, trong năm 2014, Công ty nhận được thông báo số 2220TB/CCT-TBTK ngày 26/09/2014 của Chi cục thuế Huyện Thường Tín về việc nộp tiền thuê đất, thuê mặt nước tính đến năm 2014 với tổng số tiền là 1.516.047.000 đồng (trong đó tiền thuê đất phải nộp năm 2011 là 1.031.539.000 đồng và tiền thuê đất phát sinh năm 2014 là 484.508.000 đồng). Trên căn cứ này, Công ty đã nộp và hạch toán toàn bộ giá trị này vào chi phí năm 2014.

Quyết toán thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các qui định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính có thể bị thay đổi theo quyết định của cơ quan thuế.

**13 . CHI PHÍ PHẢI TRẢ**

	31/12/2014	01/01/2014
	VND	VND
Chi phí lãi vay phải trả	105.150.936	-
	<b>105.150.936</b>	<b>-</b>

**14 . CÁC KHOẢN PHẢI TRẢ, PHẢI NỢ NGẮN HẠN KHÁC**

	<u>31/12/2014</u>	<u>01/01/2014</u>
	VND	VND
Kinh phí công đoàn	464.779.062	508.377.537
Bảo hiểm y tế	13.498.431	21.813.195
Bảo hiểm thất nghiệp	19.717.714	13.920.597
Phải trả cổ tức cho cổ đông	-	4.889.600
Phải trả lãi vay	158.543.637	341.198.637
Phải trả ông Ngô Bá Việt tiền mua ô tô	1.278.673.000	1.278.673.000
Phải trả, phải nộp khác	152.949.309	45.726.220
	<b><u>2.088.161.153</u></b>	<b><u>2.214.598.786</u></b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN QUE HÀN ĐIỆN VIỆT ĐỨC**

Xã Nhị Khê, Huyện Thường Tín, Thành phố Hà Nội

**Báo cáo tài chính**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2014

**15 . VỐN CHỦ SỞ HỮU****a) Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu**

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Quỹ dự phòng tài chính	Lợi nhuận chưa phân phối	<b>Cộng</b>
	VND	VND	VND	VND	VND
<b>Năm 2013</b>					
Tại ngày 01/01/2013	42.499.010.000	683.890.000	2.845.000.000	5.325.678.312	51.353.578.312
Lãi trong năm	-	-	-	8.937.102.037	8.937.102.037
Chi trả cổ tức	-	-	-	(3.824.910.900)	(3.824.910.900)
Trích Quỹ Khen thưởng phúc lợi	-	-	-	(250.000.000)	(250.000.000)
Trích Quỹ Dự phòng tài chính	-	-	300.000.000	(300.000.000)	-
<b>Tại ngày 31/12/2013</b>	<b>42.499.010.000</b>	<b>683.890.000</b>	<b>3.145.000.000</b>	<b>9.887.869.449</b>	<b>56.215.769.449</b>
<b>Năm 2014</b>					
Tại ngày 01/01/2014	42.499.010.000	683.890.000	3.145.000.000	9.887.869.449	56.215.769.449
Lãi trong năm	-	-	-	17.260.112.839	17.260.112.839
Chi trả cổ tức	-	-	-	(7.224.831.700)	(7.224.831.700)
Trích Quỹ Khen thưởng phúc lợi	-	-	-	(450.000.000)	(450.000.000)
Trích Quỹ Dự phòng tài chính	-	-	450.000.000	(450.000.000)	-
<b>Tại ngày 31/12/2014</b>	<b>42.499.010.000</b>	<b>683.890.000</b>	<b>3.595.000.000</b>	<b>19.023.150.588</b>	<b>65.801.050.588</b>

Theo Nghị quyết của Đại Hội đồng cổ đông số 01/NQ-ĐHCĐ ngày 21/04/2014, Công ty công bố việc phân phối lợi nhuận năm 2013 như sau:

	Tỷ lệ	Số tiền
	%	VND
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	100,00%	8.937.102.037
Trích Quỹ dự phòng tài chính	5,04%	450.000.000
Trích Quỹ khen thưởng, phúc lợi	5,04%	450.000.000
Chi trả cổ tức (bằng 17% vốn điều lệ)	80,84%	7.224.831.700
Lợi nhuận chưa phân phối	9,09%	812.270.337

**CÔNG TY CỔ PHẦN QUE HÀN ĐIỆN VIỆT ĐỨC**

Xã Nhị Khê, Huyện Thường Tín, Thành phố Hà Nội

**Báo cáo tài chính**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2014

**b) Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu**

	Tỷ lệ (%)	31/12/2014 VND	Tỷ lệ (%)	01/01/2014 VND
Vốn góp của Tập đoàn Hóa chất Việt Nam	0,00%	-	19,36%	8.226.770.000
Bà Nguyễn Thị Thanh	19,36%	8.226.770.000	0,00%	-
Ông Ngô Bá Việt	17,75%	7.544.300.000	17,75%	7.544.300.000
Ông Phạm Văn Tư	7,47%	3.173.630.000	7,47%	3.173.630.000
Vốn góp của cổ đông khác	55,42%	23.554.310.000	55,42%	23.554.310.000
	<b>100%</b>	<b>42.499.010.000</b>	<b>100%</b>	<b>42.499.010.000</b>

**c) Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận**

	Năm 2014 VND	Năm 2013 VND
Vốn đầu tư của chủ sở hữu	42.499.010.000	42.499.010.000
- <i>Vốn góp đầu năm</i>	42.499.010.000	42.499.010.000
- <i>Vốn góp cuối năm</i>	42.499.010.000	42.499.010.000
Cổ tức, lợi nhuận đã chia	7.224.831.700	3.824.910.900
- <i>Cổ tức, lợi nhuận chia trên lợi nhuận năm trước</i>	7.224.831.700	3.824.910.900

**d) Cổ phiếu**

	31/12/2014	01/01/2014
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	4.249.901	4.249.901
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	4.249.901	4.249.901
- <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	4.249.901	4.249.901
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	4.249.901	4.249.901
- <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	4.249.901	4.249.901
Mệnh giá cổ phiếu đã lưu hành (VND)	10.000	10.000

**e) Các quỹ công ty**

	31/12/2014 VND	01/01/2014 VND
Quỹ dự phòng tài chính	3.595.000.000	3.145.000.000
	<b>3.595.000.000</b>	<b>3.145.000.000</b>

**16 . TỔNG DOANH THU BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ**

	Năm 2014 VND	Năm 2013 VND
Doanh thu bán thành phẩm và hàng hóa	246.647.963.471	213.661.192.590
	<b>246.647.963.471</b>	<b>213.661.192.590</b>

**17 . CÁC KHOẢN GIẢM TRỪ DOANH THU**

	Năm 2014	Năm 2013
	VND	VND
Chiết khấu thương mại	778.792.150	2.550.037.100
Giảm giá hàng bán	1.883.890.536	38.321.500
Hàng bán bị trả lại	1.232.445.489	2.583.301.261
	<b>3.895.128.175</b>	<b>5.171.659.861</b>

**18 . DOANH THU THUẦN BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ**

	Năm 2014	Năm 2013
	VND	VND
Doanh thu thuần về bán thành phẩm và hàng hóa	242.752.835.296	208.489.532.729
	<b>242.752.835.296</b>	<b>208.489.532.729</b>

**19 . GIÁ VỐN HÀNG BÁN**

	Năm 2014	Năm 2013
	VND	VND
Giá vốn của thành phẩm và hàng hóa đã bán	193.151.540.699	171.982.041.289
	<b>193.151.540.699</b>	<b>171.982.041.289</b>

**20 . DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH**

	Năm 2014	Năm 2013
	VND	VND
Lãi tiền gửi, lãi cho vay vốn	39.589.099	40.941.631
	<b>39.589.099</b>	<b>40.941.631</b>

**21 . CHI PHÍ TÀI CHÍNH**

	Năm 2014	Năm 2013
	VND	VND
Lãi tiền vay	1.889.463.070	3.042.517.810
Chiết khấu thanh toán, lãi mua hàng trả chậm	462.060.000	1.043.748.074
Lỗi chênh lệch tỷ giá phát sinh trong năm	-	2.763.851
	<b>2.351.523.070</b>	<b>4.089.029.735</b>

**22 . CHI PHÍ BÁN HÀNG**

	Năm 2014	Năm 2013
	VND	VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu, đồ dùng	70.916.412	1.043.051.454
Chi phí nhân công	1.877.365.745	1.539.333.796
Chi phí khấu hao tài sản cố định	232.163.052	167.737.162
Chi phí dịch vụ mua ngoài	10.041.144.008	6.351.385.094
Chi phí khác bằng tiền	2.068.606.133	2.980.314.921
	<b>14.290.195.350</b>	<b>12.081.822.427</b>

**23 . CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP**

	Năm 2014	Năm 2013
	VND	VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu, đồ dùng	52.275.798	51.086.044
Chi phí nhân công	4.671.595.680	3.809.260.520
Chi phí khấu hao tài sản cố định	289.937.212	425.259.700
Thuế, phí, lệ phí	1.519.047.000	480.316.720
Chi phí dự phòng	2.362.328.648	2.068.338.536
Chi phí khác bằng tiền	2.053.244.872	1.874.057.675
	<b>10.948.429.210</b>	<b>8.708.319.195</b>

**24 . THU NHẬP KHÁC**

	Năm 2014	Năm 2013
	VND	VND
Thu nhập từ thanh lý phế liệu	159.443.597	280.425.814
Thu nhập khác	7.215.000	-
	<b>166.658.597</b>	<b>280.425.814</b>

**25 . CHI PHÍ KHÁC**

	Năm 2014	Năm 2013
	VND	VND
Chi phí khác	69.455.000	25.163.690
	<b>69.455.000</b>	<b>25.163.690</b>

**26 . THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HIỆN HÀNH**

	Năm 2014	Năm 2013
	VND	VND
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	22.147.939.663	11.924.523.838
Các khoản điều chỉnh tăng	69.454.990	25.163.690
- Chi phí không hợp lệ	69.454.990	25.163.690
Các khoản điều chỉnh giảm	-	-
Tổng thu nhập tính thuế	22.217.394.653	11.949.687.528
Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	22%	25%
<b>Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành</b>	<b>4.887.826.824</b>	<b>2.987.421.801</b>
Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp đầu năm	1.299.787.294	967.027.724
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp trong năm	(4.481.215.212)	(2.654.662.231)
<b>Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp cuối năm</b>	<b>1.706.398.906</b>	<b>1.299.787.294</b>



**27 . LÃI CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU**

Việc tính toán lãi cơ bản trên cổ phiếu có thể phân phối cho các cổ đông sở hữu cổ phần phổ thông của Công ty được thực hiện dựa trên các số liệu sau :

	Năm 2014	Năm 2013
	VND	VND
Lợi nhuận sau thuế	17.260.112.839	8.937.102.037
Lợi nhuận phân bổ cho cổ phiếu phổ thông	17.260.112.839	8.937.102.037
Cổ phiếu phổ thông lưu hành bình quân trong năm	4.249.901	4.249.901
<b>Lãi cơ bản trên cổ phiếu</b>	<b>4.061</b>	<b>2.103</b>

**28 . CHI PHÍ SẢN XUẤT KINH DOANH THEO YẾU TỐ**

	Năm 2014	Năm 2013
	VND	VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	165.656.414.042	152.500.626.687
Chi phí nhân công	18.751.838.767	14.870.458.988
Chi phí khấu hao tài sản cố định	4.569.678.824	4.751.006.540
Chi phí dịch vụ mua ngoài	11.658.118.640	7.165.307.399
Chi phí khác bằng tiền	11.613.574.227	9.871.210.582
	<b>212.249.624.500</b>	<b>189.158.610.196</b>

**29 . CÔNG CỤ TÀI CHÍNH**

Các loại công cụ tài chính của Công ty bao gồm:

	Giá trị sổ kế toán			
	31/12/2014		01/01/2014	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
<b>Tài sản tài chính</b>				
Tiền và các khoản tương đương tiền	10.905.416.031	-	3.904.317.615	-
Phải thu khách hàng, phải thu khác	36.408.333.426	(9.162.762.627)	30.575.465.922	(6.800.433.979)
	<b>47.313.749.457</b>	<b>(9.162.762.627)</b>	<b>34.479.783.537</b>	<b>(6.800.433.979)</b>

	Giá trị sổ kế toán	
	31/12/2014	01/01/2014
	VND	VND
<b>Nợ phải trả tài chính</b>		
Vay và nợ	13.368.852.685	22.597.677.758
Phải trả người bán, phải trả khác	25.275.041.890	21.017.500.179
Chi phí phải trả	105.150.936	-
	<b>38.749.045.511</b>	<b>43.615.177.937</b>

Tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính chưa được đánh giá lại theo giá trị hợp lý tại ngày kết thúc kỳ kế toán do Thông tư 210/2009/TT-BTC và các quy định hiện hành yêu cầu trình bày Báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính nhưng không đưa ra các hướng dẫn tương đương cho việc đánh giá và ghi nhận giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính, ngoại trừ các khoản trích lập dự phòng nợ phải thu khó đòi và dự phòng giảm giá các khoản đầu tư chứng khoán đã được nêu chi tiết tại các Thuyết minh liên quan.

**Quản lý rủi ro tài chính**

Rủi ro tài chính của Công ty bao gồm rủi ro thị trường, rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản. Công ty đã xây dựng hệ thống kiểm soát nhằm đảm bảo sự cân bằng ở mức hợp lý giữa chi phí rủi ro phát sinh và chi phí quản lý rủi ro. Ban Giám đốc Công ty có trách nhiệm theo dõi quy trình quản lý rủi ro để đảm bảo sự cân bằng hợp lý giữa rủi ro và kiểm soát rủi ro.

**Rủi ro thị trường**

Hoạt động kinh doanh của Công ty sẽ chủ yếu chịu rủi ro khi có sự thay đổi về tỷ giá hối đoái và lãi suất.

Rủi ro về tỷ giá hối đoái:

Công ty chịu rủi ro về tỷ giá do giá trị hợp lý của các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của tỷ giá ngoại tệ khi các khoản vay, doanh thu và chi phí của Công ty được thực hiện bằng đơn vị tiền tệ khác với đồng Việt Nam.

Rủi ro về lãi suất:

Công ty chịu rủi ro về lãi suất do giá trị hợp lý của các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của lãi suất thị trường khi Công ty có phát sinh các khoản tiền gửi có hoặc không có kỳ hạn, các khoản vay và nợ chịu lãi suất thả nổi. Công ty quản lý rủi ro lãi suất bằng cách phân tích tình hình cạnh tranh trên thị trường để có được các lãi suất có lợi cho mục đích của Công ty.

**Rủi ro tín dụng**

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong một công cụ tài chính hoặc hợp đồng không có khả năng thực hiện được nghĩa vụ của mình dẫn đến tổn thất về tài chính cho Công ty. Công ty có các rủi ro tín dụng từ hoạt động sản xuất kinh doanh (chủ yếu đối với các khoản phải thu khách hàng) và hoạt động tài chính (bao gồm tiền gửi ngân hàng, cho vay và các công cụ tài chính khác).

	Từ 1 năm trở xuống VND	Trên 1 năm đến 5 năm VND	Trên 5 năm VND	Tổng VND
<b>Tại ngày 31/12/2014</b>				
Tiền và các khoản tương đương tiền	10.905.416.031	-	-	10.905.416.031
Phải thu khách hàng, phải thu khác	27.245.570.799	-	-	27.245.570.799
	<b>38.150.986.830</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>38.150.986.830</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN QUE HÀN ĐIỆN VIỆT ĐỨC**

Xã Nhị Khê, Huyện Thường Tín, Thành phố Hà Nội

**Báo cáo tài chính**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2014

	Từ 1 năm trở xuống VND	Trên 1 năm đến 5 năm VND	Trên 5 năm VND	Cộng VND
<b>Tại ngày 01/01/2014</b>				
Tiền và các khoản tương đương tiền	3.904.317.615	-	-	3.904.317.615
Phải thu khách hàng, phải thu khác	23.775.031.943	-	-	23.775.031.943
	<b>27.679.349.558</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>27.679.349.558</b>

**Rủi ro thanh khoản**

Rủi ro thanh khoản là rủi ro Công ty gặp khó khăn khi thực hiện các nghĩa vụ tài chính do thiếu vốn. Rủi ro thanh khoản của Công ty chủ yếu phát sinh từ việc các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính có các thời điểm đáo hạn khác nhau.

Thời hạn thanh toán của các khoản nợ phải trả tài chính dựa trên các khoản thanh toán dự kiến theo hợp đồng (trên cơ sở dòng tiền của các khoản gốc) như sau:

	Từ 1 năm trở xuống VND	Trên 1 năm đến 5 năm VND	Trên 5 năm VND	Cộng VND
<b>Tại ngày 31/12/2014</b>				
Vay và nợ	13.368.852.685	-	-	13.368.852.685
Phải trả người bán, phải trả khác	25.275.041.890	-	-	25.275.041.890
Chi phí phải trả	105.150.936	-	-	105.150.936
	<b>38.749.045.511</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>38.749.045.511</b>
<b>Tại ngày 01/01/2014</b>				
Vay và nợ	22.597.677.758	-	-	22.597.677.758
Phải trả người bán, phải trả khác	21.017.500.179	-	-	21.017.500.179
	<b>43.615.177.937</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>43.615.177.937</b>

Công ty cho rằng mức độ tập trung rủi ro đối với việc trả nợ là thấp. Công ty có khả năng thanh toán các khoản nợ đến hạn từ dòng tiền từ hoạt động kinh doanh và tiền thu từ các tài sản tài chính đáo hạn.

**30 . NHỮNG SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KẾT THÚC KỲ KẾ TOÁN NĂM**

Không có sự kiện trọng yếu nào xảy ra sau ngày kết thúc kỳ kế toán năm đòi hỏi được điều chỉnh hay công bố trên Báo cáo tài chính.

**31 . BÁO CÁO BỘ PHẬN**

**Theo lĩnh vực kinh doanh**

Hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty chủ yếu trong lĩnh vực sản xuất que hàn và dây hàn, chiếm hơn 90% trong toàn bộ hoạt động của Công ty. Do vậy, Công ty không lập Báo cáo bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh.

**Theo khu vực địa lý**

	<u>Quốc tế</u>	<u>Lãnh thổ Việt Nam</u>	<u>Tổng cộng toàn doanh nghiệp</u>
	VND	VND	VND
Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ	3.391.458.336	239.361.376.960	242.752.835.296
Tài sản bộ phận	410.430.529	112.600.089.043	113.010.519.572

**32 . NGHIỆP VỤ VÀ SỐ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN**

Số dư với các bên liên quan tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm:

	<u>Mỗi quan hệ</u>	<u>31/12/2014</u>	<u>01/01/2014</u>
		VND	VND
<b>Phải trả</b>			
Ông Ngô Bá Việt	(*)	1.278.673.000	1.278.673.000

Giao dịch với các bên liên quan khác như sau:

	<u>Năm 2014</u>	<u>Năm 2013</u>
	VND	VND
Thu nhập của Ban Giám đốc và Hội đồng Quản trị	1.118.913.500	936.920.000

(\*) Ông Ngô Bá Việt là Chủ tịch Hội đồng quản trị kiêm Giám đốc Công ty Cổ phần Que hàn điện Việt Đức.

**33 . SỐ LIỆU SO SÁNH**

Số liệu so sánh là số liệu trên Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013, đã được Công ty TNHH Hãng Kiểm toán AASC kiểm toán.

\_\_\_\_\_  
**Nguyễn Văn Đồng**  
Người lập

\_\_\_\_\_  
**Hoàng Xuân Thành**  
Kế toán trưởng

\_\_\_\_\_  
**Ngô Bá Việt**  
Giám đốc

Hà Nội, ngày 20 tháng 01 năm 2015